

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 15/2025/HN-ST
Ngày: 28/02/2025
V/v “Không công nhận quan hệ
vợ chồng”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B – TỈNH BẾN TRE

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lựu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Công Trung.

Bà Huỳnh Thị Bích Vân.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Đặng Hoàng Long – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre.

Ngày 11 tháng 11 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 369/2024/TLST-HNGĐ ngày 09/10/2024 về việc “Không công nhận quan hệ vợ chồng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 161/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện B, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Phạm Thanh P, sinh năm 1967 (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: số D, ấp M, xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- **Bị đơn:** Bà Phan Thị K, sinh năm 1970 (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: số D, ấp M, xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/9/2024, trong quá trình tố tụng ông Phạm Thanh P trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà Phan Thị K có tìm hiểu và chung sống vào năm 1988 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống, ông và bà K sống hạnh phúc nhưng đến khoảng tháng 6/2024 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau. Hiện nay, ông và bà K vẫn sống chung nhưng không ai nói chuyện với ai, mỗi người có cuộc sống riêng. Nay nhận thấy không còn khả năng hàn gắn nên ông yêu cầu Tòa án không công nhận ông và bà K là vợ chồng.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, ông và bà K có 03 con chung tên Phạm Thị Tố L, sinh năm 1989; Phạm Hoàng V, sinh năm 1992 và Phạm Thị Mỹ P1, sinh năm 1997. Các con đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

** Trong quá trình giải quyết vụ án bà Phan Thị K trình bày:*

Về hôn nhân: Bà và ông Phạm Thanh P chung sống với nhau từ năm 1988 nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến tháng 6 năm 2024 thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Bà và ông P vẫn sống chung nhưng không ai nói chuyện với ai mỗi người có cuộc sống riêng. Trước yêu cầu không công nhận vợ chồng của ông P thì bà đồng ý.

Về con chung: Bà và ông Phạm Thanh P chung sống với nhau có 03 con chung tên Phạm Thị Tố L, sinh năm 1989; Phạm Hoàng V, sinh năm 1992 và Phạm Thị Mỹ P1, sinh năm 1997. Các con đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Bà và ông P tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà và ông P không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Phạm Thanh Phong và bị đơn bà Phan Thị K vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu Tòa xét xử vắng mặt. Do đó, việc đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông P, bà K là phù hợp với quy định tại các Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

**Về nội dung:*

[2] Về quan hệ hôn nhân: Nhận thấy, ông P và bà K tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1988 đến nay, đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký kết hôn. Ông bà chung sống hạnh phúc đến nay thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cuộc sống không còn hạnh phúc. Nhận thấy ông P và bà K chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1988 nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm pháp luật về hôn nhân gia đình, nên quan hệ hôn nhân giữa ông P và bà K không hợp pháp, không phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Do đó, căn cứ vào Điều 9, 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ tư pháp Hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử không công nhận ông Phạm

Thanh P và bà Phan Thị K là vợ chồng.

[3] Về con chung: Trong quá trình sống chung, ông P và bà K có 03 con chung tên Phạm Thị Tố L, sinh năm 1989; Phạm Hoàng V, sinh năm 1992 và Phạm Thị Mỹ P1, sinh năm 1997. Các con đã trưởng thành.

[4] Về tài sản chung: Các bên tự thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[5] Về nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), ông Phạm Thanh P có nghĩa vụ nộp theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a, mục 3, Nghị quyết 35/2000/QH10 hướng dẫn Luật Hôn nhân gia đình năm 2000; Điều 9; 14; 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định về luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không công nhận ông Phạm Thanh P và bà Phan Thị K là vợ chồng.
2. Về con chung: Có 03 con chung tên Phạm Thị Tố L, sinh năm 1989; Phạm Hoàng V, sinh năm 1992 và Phạm Thị Mỹ P1, sinh năm 1997. Các con đã trưởng thành.
3. Về tài sản chung: Các bên tự thỏa thuận nên Tòa không xem xét giải quyết.
4. Về nợ chung: Ông Phạm Thanh P khai không có nên Hội đồng không xem xét.
5. Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Phạm Thanh P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông P đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002499 ngày 19 tháng 9 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B. Vậy, án phí ông Phạm Thanh P đã nộp đủ.
6. Ông Phạm Thanh P, bà Phan Thị K vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã M;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Lựu